

## **THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025**

*(Hình thức đào tạo: Chính quy)*

*(đính kèm Quyết định số 2098/QĐ-TĐHYKPNT ngày 14 tháng 6 năm 2025 của  
Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

### **I. THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: TYS
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):
  - Trụ sở Tân Kiên:
    - Đường Nguyễn Cửu Phú, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
    - Số 04 Trần Hữu Nghiệp, Ấp 1, Xã Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - Cơ sở Quận 10:
    - Số 01 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
    - Số 02 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
    - Số 461 Sur Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <https://www.pnt.edu.vn>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: (028) 38 625 706
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án tuyển sinh:
  - Quy chế tuyển sinh: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc-he-chinh-quy-ap-dung-doi-voi-cac-khoa-tuyen-sinh-tu-nam-2025>
  - Thông tin tuyển sinh: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc>
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên; cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành; hình thức; trình độ đào tạo ngành):

- Chương trình đào tạo: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/cac-chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc>
- Ngành đào tạo: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/van-ban-mau-bieu/cac-quyet-dinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc>
- Quy mô đào tạo: <https://pnt.edu.vn/vi/cong-khai-theo-thong-tu-36-2017-tt-bgddt>
- Cán bộ quản lý và đội ngũ giảng viên: <https://www.pnt.edu.vn/vi/cong-khai-theo-thong-tu-36-2017-tt-bgddt>
- Cơ sở vật chất: <https://www.pnt.edu.vn/vi/cong-khai-theo-thong-tu-36-2017-tt-bgddt>
- Tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://www.pnt.edu.vn/vi/cong-khai-theo-thong-tu-36-2017-tt-bgddt>
- Kế hoạch tuyển sinh các ngành: <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/tuyen-sinh-dai-hoc>

## **II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**

### **1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển**

#### **1.1. Đối tượng dự tuyển:**

Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ tương đương.

#### **1.2. Điều kiện dự tuyển:**

Với các điều kiện đăng ký xét tuyển cụ thể từng mã ngành tuyển sinh tại mục này, sau khi có kết quả trúng tuyển, Trường sẽ kiểm tra hồ sơ nhập học. Nếu thí sinh không đáp ứng đầy đủ và chính xác thông tin đăng ký hồ sơ xét tuyển, Trường có quyền từ chối hồ sơ nhập học.

- Đạt ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch quy định.

- Xếp loại hạnh kiểm năm học lớp 12 của Trung học Phổ thông từ loại Khá trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

- Có đầy đủ và chính xác thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

### **2. Mô tả phương thức tuyển sinh**

2.1. Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2025, mã phương thức xét tuyển: 100.

- Không sử dụng điểm thi bảo lưu: Trường không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

## 2.2. Phương thức xét tuyển thẳng, mã phương thức xét tuyển: 301

- Nhóm đối tượng I: Áp dụng theo Điều 8 của quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo được Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch cụ thể theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường.

- Nhóm đối tượng II: Lưu học sinh Lào và Campuchia theo diện Học bổng của Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức hợp tác hữu nghị giữa Thành phố Hồ Chí Minh với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

## 3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

### 3.1. Ngưỡng đầu vào:

Căn cứ ngưỡng đầu vào đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch xác định và công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho các ngành theo quy định và dự kiến trước 17 giờ 00 phút ngày 23 tháng 7 năm 2025.

### 3.2. Điểm trúng tuyển:

Là ngưỡng điểm mà những thí sinh (đã đăng ký nguyện vọng vào ngành, chương trình đào tạo đó) có điểm xét bằng hoặc cao hơn sẽ đủ điều kiện trúng tuyển. Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch xác định điểm trúng tuyển và công bố dự kiến trước 17 giờ 00 phút ngày 22 tháng 8 năm 2025.

## 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

| STT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành | Chỉ tiêu | Phương thức tuyển sinh                                        | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------|---------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 7720101      | Y khoa                                        | 772                  | Y khoa                | 790      | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301 |         |
| 2   | 7720115      | Y học cổ truyền                               | 772                  | Y học cổ truyền       | 70       | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)                       |         |

| STT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành       | Chỉ tiêu | Phương thức tuyển sinh                                                  | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |              |                                               |                      |                             |          | Phương thức 2: 301                                                      |         |
| 3   | 7720201      | Dược học                                      | 772                  | Dược học                    | 155      | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301           |         |
| 4   | 7720301      | Điều dưỡng                                    | 772                  | Điều dưỡng                  | 400      | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; B03; B08)<br>Phương thức 2: 301 |         |
| 5   | 7720302      | Hộ sinh                                       | 772                  | Hộ sinh                     | 30       | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; B03; B08)<br>Phương thức 2: 301 |         |
| 6   | 7720401      | Dinh dưỡng                                    | 772                  | Dinh dưỡng                  | 70       | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; A00)<br>Phương thức 2: 301      |         |
| 7   | 7720501      | Răng Hàm Mặt                                  | 772                  | Răng Hàm Mặt                | 105      | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301           |         |
| 8   | 7720601      | Kỹ thuật xét nghiệm y học                     | 772                  | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | 55       | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00)<br>Phương thức 2: 301           |         |
| 9   | 7720602      | Kỹ thuật hình ảnh y học                       | 772                  | Kỹ thuật hình ảnh y học     | 55       | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; A00)<br>Phương thức 2: 301      |         |
| 10  | 7720603      | Kỹ thuật phục hồi chức năng                   | 772                  | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 30       | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; A00; A01)<br>Phương thức 2: 301 |         |

| STT              | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành | Chỉ tiêu    | Phương thức tuyển sinh                                                       | Ghi chú |
|------------------|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 11               | 7720699      | Khúc xạ nhãn khoa                             | 772                  | Khúc xạ nhãn khoa     | 60          | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; A00; A01)<br>Phương thức 2: 301      |         |
| 12               | 7720701      | Y tế công cộng                                | 772                  | Y tế công cộng        | 100         | Phương thức 1: 100<br>(Tổ hợp môn: B00; B03; B08; A00)<br>Phương thức 2: 301 |         |
| <b>Tổng cộng</b> |              |                                               |                      |                       | <b>1920</b> |                                                                              |         |

Chỉ tiêu tuyển thẳng (301) được cụ thể tại nội dung quy định chính sách ưu tiên.

Ngành có nhiều tổ hợp môn xét tuyển thì các tổ hợp được xét tuyển chung với nhau, không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp.

Các môn tương ứng với mã tổ hợp môn xét tuyển:

- B00: Toán – Hóa học – Sinh học
- B03: Toán – Ngữ văn – Sinh học
- B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học
- A00: Toán – Vật lý – Hóa học
- A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh

**Lưu ý:** Đối với các ngành sử dụng tổ hợp môn xét tuyển có môn tiếng Anh, Trường chỉ áp dụng đối với thí sinh có điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn tiếng Anh năm 2025. Trường không quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT thành điểm môn ngoại ngữ xét tuyển.

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

### 5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Tiêu chuẩn phụ: dùng để xét trong trường hợp các thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau, được xếp ưu tiên theo thứ tự sau:

- Thứ tự nguyện vọng đăng ký của thí sinh.
- Điểm thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông môn Toán năm 2025.

## 5.2. Điểm cộng:

Nguyên tắc xác định điểm ưu tiên:

- Đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được xác định theo văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025.

- Tổng điểm ưu tiên: bao gồm điểm đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được tính theo thang điểm 10 (không nhân hệ số). Tổng điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm tổ hợp môn xét tuyển từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

*Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm tổ hợp môn xét tuyển đạt được)/7,5] × Tổng điểm đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên được quy định theo quy chế tuyển sinh của Trường.*

- Nguyên tắc xác định điểm thưởng:

Trường không áp dụng điểm thưởng trong tuyển sinh năm 2025.

## 5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

- Ngành Y khoa lớp liên kết Việt - Đức: Thí sinh phải có trình độ tiếng Anh IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 75 trở lên hoặc tương đương. Khoa Y Việt - Đức thực hiện xét tuyển sau khi thí sinh hoàn thành thủ tục nhập học.

- Ngành Điều dưỡng bao gồm các chuyên ngành Điều dưỡng Đa khoa, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Điều dưỡng chuyên ngành Cấp cứu ngoài bệnh viện. Việc phân tách chuyên ngành đào tạo được thực hiện sau khi sinh viên hoàn thành chương trình năm I.

## 5.4. Các thông tin khác:

Nguyên tắc xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT và kết quả trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có tổng điểm thi của tổ hợp B00/ A00/ A01/ B03/ B08, điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch quy định thì có quyền đăng ký xét tuyển vào ngành tương ứng.

- Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, các nguyện vọng được sắp xếp thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp (nguyện vọng từ nhỏ đến lớn). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất.

- Thí sinh trúng tuyển và xác nhận nhập học sẽ không được tham gia xét tuyển các đợt tuyển sinh khác.

- Thí sinh chỉ chọn mã ngành tuyển sinh, hệ thống xét tuyển chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chọn tổ hợp môn để thực hiện xét tuyển.

- Tổng điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi theo tổ hợp môn xét tuyển theo thang điểm 30 (không có hệ số), điểm cộng và tổng điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển nhưng không thấp hơn điểm ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của mã tuyển sinh ngành tương ứng (nếu có).

## **6. Tổ chức tuyển sinh**

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển trực tuyến thông qua cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 16/7/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 28/7/2025.

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển bằng hình thức trực tuyến từ ngày 29/7/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 05/8/2025 theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống chậm nhất là 17 giờ 00 phút ngày 30/8/2025.

## **7. Chính sách ưu tiên**

### **7.1. Xét tuyển thẳng:**

**Nhóm đối tượng I:** Các đối tượng tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, được cụ thể cho năm 2025 như sau:

a. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành: Y khoa, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt, Dược học, Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.

b. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế một trong các môn Toán, Hóa học, Sinh học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, được tuyển thẳng vào một trong các ngành: Y khoa, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt, Dược học, Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.

c. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Ngữ văn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, được tuyển thẳng vào một trong các ngành: Điều dưỡng, Hộ sinh, Khúc xạ nhãn khoa.

d. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Vật lý do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, được tuyển thẳng vào một trong các ngành: Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.

e. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế môn Tiếng Anh do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia, được tuyển thẳng vào một trong các ngành: Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Khúc xạ nhãn khoa, Y tế công cộng.

- Các lưu ý:

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng phải đảm bảo các điều kiện được quy định tại mục 1.1 khoản 1 phần II.

- Thí sinh tại điểm b, c, d, e thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

- Thí sinh xác nhận nhập học bằng phương thức xét tuyển thẳng thì không được tham gia xét tuyển bằng các hình thức khác.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng:

Thí sinh chuẩn bị hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

- Bản sao có công chứng hoặc chứng thực sao y các giấy tờ minh chứng tại các điểm a, b, c, d, e của mục 7.1.

- 01 bản sao Căn cước công dân có công chứng hoặc chứng thực sao y.

- Thủ tục đăng ký, công bố kết quả, xác nhận nhập học đối với thí sinh trúng tuyển thẳng:

- Thí sinh đăng ký hồ sơ tuyển thẳng bằng hình thức gửi thư hoặc nộp trực tiếp tại Trường.

- Trường tổ chức xét tuyển thẳng cho những thí sinh đủ điều kiện, công bố kết quả theo thời gian quy định của kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường hợp số lượng thí sinh nộp vượt quá chỉ tiêu tuyển thẳng theo từng ngành, Hội đồng tuyển sinh sẽ xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự các đối tượng từ điểm a, b, c, d, e thuộc mục 7.1 và xét tiêu chí phụ là điểm thi môn Toán trong kỳ thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm 2025.

- Thí sinh trúng tuyển thẳng tiếp tục đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia để lựa chọn ngành đã trúng tuyển thẳng hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác từ ngày 16/7/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 28/7/2025.

**Nhóm đối tượng II:** Lưu học sinh Lào và Campuchia theo diện Học bổng của Thành phố Hồ Chí Minh theo hình thức hợp tác hữu nghị giữa Thành phố Hồ Chí Minh với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.

- Hồ sơ và sức khỏe đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam (Điều kiện về học vấn, chuyên môn; điều kiện về sức khỏe và tuổi; Điều kiện về ngôn ngữ).

- Bản sao hộ chiếu và có thị thực nhập cảnh du học còn thời hạn đến thời gian làm thủ tục nhập học.

- **Chỉ tiêu tuyển thẳng:**

| STT | Tên ngành, nhóm ngành       | Chỉ tiêu nhóm I | Chỉ tiêu nhóm II | Ghi chú                                                                                                                                                 |
|-----|-----------------------------|-----------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Y khoa                      | 10              | 130              | Trường hợp không có đủ thí sinh trúng tuyển thẳng và xác nhận nhập học thì số chỉ tiêu còn lại sẽ được bổ sung vào phương thức xét tuyển 100 của ngành. |
| 2   | Y học cổ truyền             | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 3   | Dược học                    | 3               | 5                |                                                                                                                                                         |
| 4   | Điều dưỡng                  | 7               |                  |                                                                                                                                                         |
| 5   | Hộ sinh                     | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 6   | Dinh dưỡng                  | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 7   | Răng Hàm Mặt                | 2               | 15               |                                                                                                                                                         |
| 8   | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 9   | Kỹ thuật hình ảnh y học     | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 10  | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 11  | Khúc xạ nhãn khoa           | 2               |                  |                                                                                                                                                         |
| 12  | Y tế công cộng              | 3               |                  |                                                                                                                                                         |
|     | <b>Tổng cộng</b>            | <b>39</b>       | <b>150</b>       |                                                                                                                                                         |

## 7.2. Ưu tiên xét tuyển:

Trường không áp dụng ưu tiên xét tuyển.

## 8. Lệ phí xét tuyển

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Trường sẽ thông báo theo quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh** (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc đi do sai sót trong tuyển sinh):

Trường cam kết thực hiện rà soát thông tin và giải quyết kịp thời đúng quy định trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh trong các trường hợp sai sót trong tuyển sinh.

## 10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành):

- Học phí dự kiến năm học 2025 – 2026 theo Thông báo số 1107/TB-TĐHYKPNT ngày 18 tháng 04 năm 2025: <https://www.pnt.edu.vn/vi/thong-bao/thong-bao-du-kien-muc-thu-hoc-phi-he-dao-cao-dai-hoc-khoa-tuyen-sinh-nam-hoc-2025-2026>, cụ thể như sau:

| STT | Ngành học              | Học phí dự kiến năm học<br>2025 – 2026<br>(đơn vị tính: Đồng) | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Y khoa                 | 55.200.000                                                    |         |
| 2   | Răng Hàm Mặt           | 55.200.000                                                    |         |
| 3   | Dược học               | 55.200.000                                                    |         |
| 4   | Y học cổ truyền        | 55.200.000                                                    |         |
| 5   | Khối các ngành cử nhân | 41.800.000                                                    |         |

Lộ trình dự kiến tăng học phí tối đa 10% cho từng năm.

### 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

| Số TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành | Phương thức tuyển sinh | Tuyển sinh năm 2024 |                   |                  | Tuyển sinh năm 2023 |                   |                  |
|-------|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|------------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|-------------------|------------------|
|       |              |                                               |                      |                       |                        | Chỉ tiêu            | Số lượng nhập học | Điểm trúng tuyển | Chỉ tiêu            | Số lượng nhập học | Điểm trúng tuyển |
| 1     | 7720101      | Y khoa                                        | 772                  | Y khoa                | 101                    | 660                 | 597               | 26,57            | 660                 | 655               | 25,9             |
| 2     | 7720101      | Y khoa                                        | 772                  | Y khoa                | 303                    |                     | 2                 |                  |                     | 0                 |                  |
| 3     | 7720101      | Y khoa                                        | 772                  | Y khoa                | 500                    |                     | 88                |                  |                     | 51                |                  |
| 4     | 7720115      | Y học cổ truyền                               | 772                  | Y học cổ truyền       | 101                    | 50                  | 46                | 24,6             | -                   | -                 |                  |
| 5     | 7720201      | Dược học                                      | 772                  | Dược học              | 101                    | 95                  | 85                | 25,51            | 90                  | 87                | 25,25            |
| 6     | 7720201      | Dược học                                      | 772                  | Dược học              | 500                    |                     | 1                 |                  |                     | 2                 |                  |
| 7     | 7720301      | Điều dưỡng                                    | 772                  | Điều dưỡng            | 101                    | 300                 | 263               | 23,57            | 250                 | 232               | 22,4             |
| 8     | 7720302      | Hộ sinh                                       | 772                  | Hộ sinh               | 101                    | 30                  | 26                | 22,4             | -                   | -                 |                  |
| 9     | 7720401      | Dinh dưỡng                                    | 772                  | Dinh dưỡng            | 101                    | 60                  | 61                | 23,2             | 60                  | 56                | 21,8             |
| 10    | 7720501      | Răng Hàm Mặt                                  | 772                  | Răng Hàm Mặt          | 101                    | 95                  | 88                | 26,49            | 90                  | 93                | 26               |
| 11    | 7720501      | Răng Hàm Mặt                                  | 772                  | Răng Hàm Mặt          | 500                    |                     | 5                 |                  |                     | 6                 |                  |

| Số TT | Mã xét tuyển | Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển | Mã ngành, nhóm ngành | Tên ngành, nhóm ngành       | Phương thức tuyển sinh | Tuyển sinh năm 2024 |                   |                  | Tuyển sinh năm 2023 |                   |                  |
|-------|--------------|-----------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|-------------------|------------------|
|       |              |                                               |                      |                             |                        | Chỉ tiêu            | Số lượng nhập học | Điểm trúng tuyển | Chỉ tiêu            | Số lượng nhập học | Điểm trúng tuyển |
| 12    | 7720601      | Kỹ thuật xét nghiệm y học                     | 772                  | Kỹ thuật xét nghiệm y học   | 101                    | 50                  | 47                | 24,9             | 50                  | 50                | 24,47            |
| 13    | 7720602      | Kỹ thuật hình ảnh y học                       | 772                  | Kỹ thuật hình ảnh y học     | 101                    | 50                  | 52                | 24,1             | 40                  | 34                | 23,45            |
| 14    | 7720603      | Kỹ thuật phục hồi chức năng                   | 772                  | Kỹ thuật phục hồi chức năng | 101                    | 30                  | 29                | 24,01            | 30                  | 30                | 23,09            |
| 15    | 7720699      | Khúc xạ nhãn khoa                             | 772                  | Khúc xạ nhãn khoa           | 101                    | 50                  | 49                | 24,06            | 40                  | 38                | 23,57            |
| 16    | 7720701      | Y tế công cộng                                | 772                  | Y tế công cộng              | 101                    | 60                  | 54                | 21,35            | 56                  | 46                | 18,35            |
|       |              |                                               |                      | <b>Tổng cộng</b>            |                        | <b>1530</b>         | <b>1493</b>       |                  | <b>1366</b>         | <b>1380</b>       |                  |

**Cán bộ tuyển sinh**

Họ tên: Hồ Nguyễn Anh Tuấn

Số điện thoại: 02838 625 706

Email: tuyensinhdh@pnt.edu.vn

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH**

(đã ký)

**PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại**